

Bản án số: 490/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3947/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1954

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T đều trình bày:

Bà và ông Nguyễn Việt H tự nguyện chung sống từ tháng 10 năm 1990 không có đăng ký kết hôn. Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999 đã trưởng thành.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Hai bên đã cố khắc phục nhưng không có kết quả. Nay, bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Việt H.

Về nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Việt H là bị đơn trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị Thùy T về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn trong gia đình, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị Thùy T.

Về nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Việt H cư trú tại Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Do vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở, không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của đương sự, có cơ sở xác định: Nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1990 mà không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Bộ Tư pháp – Tòa án nhân dân Tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, họ không được công nhận là vợ chồng.

[5] Về nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999 đã trưởng thành.

[6] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy việc thỏa thuận của hai bên đương sự về con chung và tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội có cơ sở để được công nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Bộ Tư pháp – Tòa án nhân dân Tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận bà Lê Thị Thùy T và ông Nguyễn Việt H là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Thùy T và ông Nguyễn Việt H như sau:

Về nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0007983 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Minh